TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 138/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 7 – 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Việt Khái.

2. Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 84/2024/TLST - HNGĐ ngày 25/3/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mai Bá T, sinh năm 1953; Địa chỉ: khóm 8, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trang Bích D, sinh năm 1968; Địa chỉ: khóm 8, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Hiện đang sinh sống tại số 07, đường Trần Quang D, khóm 6, phường N, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, ông Mai Bá T và bà Trang Bích D tự nguyện chung sống với nhau năm 2006 nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2022, giữa ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng ý kiến, tính tình không hòa hợp dẫn đến đời sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện ông T và bà D đã sống ly thân từ hơn một nay nên ông T xin ly hôn với bà D, riêng bà D cho rằng vợ chồng chỉ xãy ra mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống thường ngày, hiện bà vẫn còn tình cảm với ông T nên bà không đồng ý lý hôn với ông T.

Về con chung, ông Mai Bá T và bà Trang Bích D khai chưa có.

Về tài sản chung, ông Mai Bá T và bà Trang Bích D khai không có.

Về nợ chung, ông Mai Bá T khai không có. Đối với bà D cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng có nợ bà Trang Bích Ngân số tiền 6.000.000 đồng, nợ bà Huỳnh Thị Hồng số tiền 4.000.000 đồng, nợ bà Lâm Cẩm Hà số tiền 10.000.000 đồng và nợ một số người khác. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, bà D yêu cầu ông T trả các khoản nợ trên vì bà không có khả năng trả các khoản nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, tuy bị đơn đang sinh sống tại thành phố Cà Mau nhưng quá trình làm việc, bị đơn đã có lời khai và đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Phú Tân giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bên cạnh đó, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân, ông Mai Bá T và bà Trang Bích D tự nguyện chung sống với nhau năm 2006 nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét mâu thuẫn thực tế các đương sự trình bày là có thật, được các đương sự thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án nên không phải chứng minh. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng vẫn còn tình cảm với nguyên đơn nhưng trong thời gian sống ly thân cho đến trước thời điểm mở phiên Tòa xét xử, bị đơn không đưa ra được giải pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng vốn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong khi nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn. Trường hợp Tòa án giải quyết không cho ly hôn, nguyên đơn cũng không quay trở về chung sống với bị đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải xuất phát từ sự thương yêu, cảm thông, chia sẽ và giúp đỡ lẫn nhau mới đem lại hạnh phúc, đúng với mục đích tốt đẹp của hôn nhân. Do đó, nếu một bên vợ hoặc bên chồng không còn tình cảm thì dù có cố gắng gượng ép chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai trong khi nguyên đơn và bị đơn đã không chung sống với nhau từ năm 2022 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, cuộc sống nạnh ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai nên có căn cứ để nhận định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn bị đơn là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Về con chung, nguyên đơn và bị đơn khai chưa có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nguyên đơn và bị đơn khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung, nguyên đơn xác định không có nợ, riêng bị đơn khai nhận có nợ và Tòa án cũng đã ấn định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hòa giải (ngày 20/5/2024), bị đơn có nghĩa vụ cung cấp họ tên, địa chỉ của chủ nợ cùng chứng cứ kèm theo để Tòa án tiến hành mời các chủ nợ làm việc. Tuy nhiên, đến ngày mở phiên Tòa xét xử vụ án đã hơn 15 ngày nhưng bị đơn không cung cấp nên Tòa án chưa đủ cơ sở để mời các chủ nợ đến Tòa làm việc được. Do đó, chưa đủ căn cứ để xác định các khoản nợ mà bị đơn trình bày là nợ chung hay nợ riêng của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân trong khi nguyên đơn không thừa nhận nên Hội đồng xét xử tách yêu cầu giải quyết về nợ để giải quyết ở vụ kiện dân sự khác, không xem xét trong cùng vụ án là có cơ sở.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu nhưng do nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên được xét miễn nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Mai Bá T về việc xin ly hôn bà Trang Bích D.

- Về con chung, ông Mai Bá T và bà Trang Bích D khai chưa có, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, ông Mai Bá T và bà Trang Bích D khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung, tách yêu cầu giải quyết về nợ để giải quyết ở vụ kiện dân sự khác, nên không xem xét trong vụ án này.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, ông Mai Bá T không phải nộp, do ông T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định.

Ông T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND thị trấn C,
H. Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân